TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 102/2023/HS-ST
Ngày: 18-4-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và ông Nguyễn Văn Vy.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quốc Cường, Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Kiều Anh Mỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2023/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

1. **Phạm Văn T**; giới tính: Nam; sinh ngày: 08/7/2002 tại tỉnh T; nơi đăng ký thường trú: Tổ 15, khu vực 6, phường Đ, thành phố H, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: Số 13A kiệt 74 đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn P, sinh năm 1974 và bà Lê Thị M, sinh năm 1975; vợ, con: không có; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ ở với gia đình, học đến hết lớp 7/12 thì nghỉ học. Sau đó đi học nghề thợ sắt, hiện không có nghề nghiệp ổn định.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/11/2022, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 01/12/2022 cho đến nay. Có mặt.

2. **Phạm Văn P**; giới tính: Nam; sinh ngày: 19/7/2001 tại tỉnh T; nơi cư trú: Số 8/7/74 đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974; vợ, con: không có; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Quá trình nhân thân: Từ nhỏ ở với gia đình đến lớp 9/12 thì nghỉ học ở nhà, không có nghề nghiệp.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/11/2022, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 01/12/2022 cho đến nay. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 62/93 đường T, phường V, thành phố H, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 00 phút ngày 24/11/2022, tại trường tiểu học Đ (số 148 đường T, phường Đ, thành phố H), Công an phường Đ phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H lập biên bản bắt quả tang đối với Phạm Văn T và Phạm Văn P, đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ tại vị trí dưới sàn nhà nơi T và P đang ngồi 01 túi ni lông màu trắng bên trong chứa 02 viên nén màu đỏ. Phạm Văn T và Phạm Văn P khai nhận đó là ma túy loại hồng phiến do T và P góp tiền chung với nhau để mua từ một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) tại đường L, thành phố H để cùng nhau sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 21 giờ 30 ngày 24/11/2022, T nhận được điện thoại của P nhờ đến tại đường T, phường T, thành phố H để chở P về thì T đồng ý. T mượn xe mô tô 75B-202.24 của anh Phạm Văn H chạy đến điểm hẹn để chở P. Quá trình chở P, T rủ Phúc mua ma túy hồng phiến để sử dụng thì P đồng ý. Do không có tiền nên T hỏi P có tiền không, P nói còn 80.000 đồng, T nói P cho T mượn 40.000 đồng để góp chung mua ma túy rồi trả tiền lại cho P sau thì P đồng ý. Thống nhất xong thì P nói chạy qua đường L, phường B, thành phố H để mua ma túy. Tại đây, T và P gặp một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ cụ thể) mua 02 viên hồng phiến với giá 40.000 đồng/01 viên. Sau khi mua xong ma túy thì P nói T đi về trường tiểu học Đ, phường Đ, thành phố H để sử dụng. Khi T và P đến địa điểm và đi vào phòng học để sử dụng thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Vật chứng tạm giữ và xử lý vật chứng: 01 túi ni long màu trắng bên trong chứa 02 viên nén màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, có gắn thẻ sim số 0783337560; 01 xe máy nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 75B1-202.24.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H xác định xe mô tô 75B1-202.24 là của anh Phạm Văn H cho Thành mượn, anh H không biết T sử dụng xe này để mua ma túy nên đã trả lại xe mô tô nói trên cho anh H theo quy định.

Tại Kết luận giám định số 763/KL-KTHS ngày 29/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, kết luận: "02 (Hai) viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ gửi giám định có tổng khối lượng là 0,1881g (không phẩy một tám tám một gam), là ma túy, loại Methamphetamine". Hoàn lại đối tượng giám định gồm 0,0881g mẫu bột được nghiền từ 02 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, công nhận việc khởi tố của Cơ quan điều tra và truy tố của Viện kiểm sát là đúng với hành vi của bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 87/CT-VKSTPH ngày 06/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T đã truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn P mỗi bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 25/11/2022.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy ma túy còn lại sau giám định; trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, có gắn thẻ sim số 0783337560.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận điều tra và bản cáo trạng nên các hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Khoảng 23 giờ 00 ngày 24/11/2022, tại trường tiểu học Đ, số 148 đường T, phường Đ, thành phố H, tỉnh T, Phạm Văn T và Phạm Văn P có hành vi tàng trữ trái phép 0,1881g ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, cả hai bị cáo đều là đồng phạm với vai trò thực hành. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là phạm pháp nhưng vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ của con người, sự phát triển của nòi giống và làm tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy phải xử phạt bị cáo bằng một hình phạt nghiêm, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một

thời gian như một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa.

[5] Đối với nam thanh niên bán ma túy cho các bị cáo T và P, quá trình điều tra không xác định được họ tên, nhân thân, lai lịch, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H cần tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Phạm Văn H cho bị T mượn xe mô tô 75B1- 202.24 nhưng không biết việc T đi mua và tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 75B1-202.24, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho anh Phạm Văn H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định. Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, có gắn thẻ sim số 0783337560, máy đã qua sử dụng cho bị cáo Phạm Văn T vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/11/2022.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/11/2022.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy hoàn lại sau giám định.
- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, có gắn thẻ sim số 0783337560, máy đã qua sử dụng, có mật khẩu 080702 cho bị cáo Phạm Văn T.

Các vật chứng trên được xác định theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Phạm Văn T và Phạm Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Phòng PV 06 CA tỉnh T;
- VKSND TP H;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tú